TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HN-ST
Ngày: 31 - 01 - 2018
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị M**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn H**

Nơi công tác: Hội cựu chiến binh huyện A

2. Ông **Ngô Văn Ứng**

Nơi công tác: Liên đoàn Lao động huyện A

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Anh Th** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A: không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 146/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp*"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Dương Thị Hồng V** - Sinh năm: 1989 (Có mặt);

Địa chỉ: 174, tổ 8, khu phố Z, thị trấn J, huyện R, tỉnh B;

2. Bị đơn: **Phạm Xuân ĐB** - Sinh năm: 1991 (Có mặt);

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Tân Th, huyện A, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Dương Thị Hồng V trình bày:**

Chị V và anh Đ cưới nhau năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn F, huyện R cấp giấy chứng nhận kết hôn. Chị V và anh Đ chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mâu thuẫn kéo dài đến cuối năm 2012 thì chị V về nhà cha mẹ ruột của chị

sống, anh Đ cũng theo chị nên vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau. Trong thời gian chung sống tại nhà cha mẹ ruột của chị thì vợ chồng lại bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến giữa năm 2017 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị V xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đ .

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Đăng Kh , sinh ngày 02/9/2011. Hiện con đang sống với chị. Ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* **Quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Phạm Xuân Đ trình bày:**

Anh Đ và chị V kết hôn với nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như chị V trình bày. Đến giữa năm 2017 chị V có hiểu lầm anh Đ về vấn đề tiền bạc nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay anh Đ xác định còn tình cảm với chị V , nên không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng lo cho con.

Về con chung: Có 01 con chung như chị V trình bày. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh Đ yêu cầu nuôi cháu Khôi, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Nếu giao con cho chị V nuôi, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị V về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị V và anh Đ cưới nhau vào năm 2010. Đến ngày 02/8/2011 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn J, huyện R cấp giấy chứng nhận kết hôn, nên quan hệ hôn nhân của chị Vân và anh Đăng là hợp pháp.

Qua xem xét tình trạng hôn nhân của chị V và anh Đ , Hội đồng xét xử nhận thấy chị V và anh Đ cùng trình bày thống nhất nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên chị V về nhà cha mẹ ruột sinh sống, sau đó chị V đã tha thứ và anh chị hàn gắn được tình cảm với nhau. Nhưng trong thời gian tiếp tục chung sống anh chị lại phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên cự cãi nhau thường xuyên và sống ly thân từ giữa năm 2017 cho đến nay. Từ khi ly thân

đến nay anh chị có nhiều lần gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Đồng thời, theo xác nhận của Trưởng khu phố 6 nơi anh chị chung sống thì tình trạng hôn nhân giữa vợ chồng chị V và anh Đ như chị V trình bày là đúng sự thật. Qua đó, cho thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về nuôi con chung*: chị V và anh Đ cùng trình bày anh chị có 01 con chung tên Phạm Đăng Kh - sinh ngày 02/9/2011. Hiện cháu Kh đang do chị V trực tiếp nuôi. Ly hôn, chị V và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy, con chung hiện do chị Vân đang trực tiếp nuôi và chăm sóc tốt. Để tránh xáo trộn Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V về nuôi con chung.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị V không yêu cầu anh Đẳng cấp dưỡng nuôi con, nhưng tại phiên tòa anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Đẳng.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* chị V và anh Đ cùng trình bày không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Dương Thị Hồng V và anh Phạm Xuân Đ .

2. Về nuôi con chung:

- Giao con chung Phạm Đăng Kh , sinh ngày 02/9/2011 cho chị Dương Thị Hồng V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Ghi nhận việc anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

- Anh Đ được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4. Về án phí:

Chị V phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48680 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A.

Anh Đ phải nộp 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị M